

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 106/2021/HS-ST

Ngày: 23 - 11 - 2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Lan.

Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Hồng Tuyên và bà Vũ Thị Thuý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thuý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Xuân Long - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 99/2021/TLST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Xuân Q**; tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam; Sinh ngày 03/01/1981. Nơi cư trú: tổ dân phố HD 3, thị trấn D Đ, huyện TT, tỉnh Thái Bình. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Trần Bá Ngh (đã chết); Mẹ đẻ: Nguyễn Thị V, sinh năm 1953, trú tại tổ dân phố HD 3, thị trấn D Đ, huyện TT, tỉnh Thái Bình; Gia đình có 03 anh em, bị can là con thứ hai. Bị can chưa có vợ, con.

Quá trình hoạt động của bản thân: Tại bản án số 11/2003/HSST, ngày 18/3/2003, của Tòa án nhân dân huyện TT bị cáo bị xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt ngày 17/12/2004; Theo quyết định số 1189/QĐ-UB Ngày 12/5/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình bị cáo bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng; Tại bản án số 37/2007/HSST, ngày 26/11/2007 của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh Thái Bình bị cáo bị xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Tại bản án số 39/2007/HSST, ngày 7/12/2007 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, bị cáo bị xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù của hai bản án này ngày 30/11/2009.

Tiền án: 01, tại bản án số 33/2010/HSST ngày 30/7/2010 của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh Thái Bình bị cáo Trần Xuân Q bị xử phạt 07 năm tù về tội

Cướp tài sản và 03 năm tù về tội Cường đoạt tài sản. Hình phạt áp dụng cả hai tội là 10 năm tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/01/2019.

Tiền sự: 01, quyết định xử phạt hành chính số 29/QĐ-XPHC ngày 01/02/2021 của Công an huyện TT phạt 2.500.000đồng về hành vi xâm hại sức khỏe người khác, Quyết chưa nộp phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/9/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thái Thụy – *Có mặt tại phiên tòa*

*** Bị hại**

- Anh Lê Văn Th, sinh năm 1992 – *Vắng mặt*

Nơi cư trú: thôn HQ, xã TQ, huyện TT, Thái Bình

*** Người làm chứng:**

- Anh Trần Ngọc L, sinh năm 1990 – *Có mặt*

Địa chỉ: tổ dân phố HĐ 3, thị trấn D Đ, huyện TT, Thái Bình

- Ông Trần Bá L, sinh năm 1968 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: tổ dân phố HĐ 3, thị trấn D Đ, huyện TT, Thái Bình

- Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1992 – *Vắng mặt*

- Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1991 – *Vắng mặt*

- Anh Bùi Hữu Th, sinh năm 1989 – *Vắng mặt*

Đều có địa chỉ: tổ dân phố số 7, thị trấn D Đ, TT, Thái Bình

- Chị Lê Thị Th, sinh năm 1997 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: tổ dân phố số 6, thị trấn D Đ, TT, Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ, ngày 22/5/2021, tại nhà anh Trần Ngọc L ở tổ dân phố HĐ 3, thị trấn D Đ, huyện TT, tỉnh Thái Bình có tổ chức mời bạn bè ăn uống trong đó có Lê Văn Th và Trần Xuân Q và một số người khác. Do mâu thuẫn cá nhân nên trong bữa ăn giữa Trần Xuân Q và Lê Văn Th xảy ra cãi chửi, thách thức đánh nhau. Trần Xuân Q bỏ về lấy dao đến để dao ở cạnh tường nhà dân rồi gọi anh Th ra nói chuyện; Lê Văn Th cũng tìm lấy 01 cây gậy rút bằng kim loại cho vào túi quần phía trước rồi vẫn ngồi tại nhà anh L. Khi mọi người ăn uống đã xong thấy Q đứng ngoài gọi anh Th thì ra cản ngăn Q. Anh Th đứng trong sân nhà anh L cãi chửi và thách thức Q. Q đi đến lấy con dao đã cất sẵn tại chân bờ tường chạy vào nhà đuổi theo anh T. Anh Th chạy vào trong góc phòng khách nhà anh L thì bị Q đuổi kịp và cầm dao bằng tay phải chém ngang theo hướng từ phải qua trái về phía Th. Th dùng gậy rút ba khúc ra đỡ. Q dùng dao

tiếp tục chém phát thứ hai theo hướng từ phải qua trái thì dao chém sượt qua đỉnh đầu của Th. Th ngã cúi đầu xuống đất thì bị dao chém sượt qua vị trí tai trái. Q lùi lại, Th đứng lên dùng gậy rút ba khúc vọt 02 cái vào vị trí bắp tay phải và vai trái của Q thì gậy rút ba khúc rơi xuống đất. Anh Th bỏ chạy ra ngoài cửa, Q tiếp tục đuổi theo đến gần cửa phụ phòng khách nhà anh L cầm dao chém với 01 cái vào vị trí bả vai phải của Th, dao trượt xuống chém vào vị trí cẳng tay phải của Th và tiếp tục đuổi theo Th ra ngoài sân đến ngõ thì bị ngã nên bỏ đi về nhà. Anh Th bị thương được mọi người chở đến Bệnh viện Đa khoa huyện TT sơ cứu, điều trị từ ngày 23/5/2021 đến ngày 28/5/2021 thì xuất viện. Anh Q có đơn yêu cầu giám định thương tích và xử lý bị cáo theo pháp luật.

- Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 116/21/TgT ngày 07/6/2021 của Trung tâm pháp y Sở y tế Thái Bình kết luận: Dấu hiệu chính qua giám định *“Thương tích vùng đầu, vùng tai trái, vùng bả vai phải do vật sắc tác động làm rách da, tổ chức dưới da, đã được khâu vết thương, thuốc kháng sinh, giảm đau, chống phù nề, chăm sóc vết thương. Hiện tại: Các vết thương còn sưng đau. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 05%”* (Bút lục số: 71-72).

Cáo trạng số 102/CT-VKSTT ngày 03/11/2021, Viện Kiểm sát nhân dân huyện TT truy tố bị cáo Trần Xuân Q về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Xuân Q phạm tội “Cố ý gây thương tích”; Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, Điều 50 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Xuân Q từ 1 năm 3 tháng đến 1 năm 6 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại và bị cáo đều không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra việc giải quyết về trách nhiệm dân sự. Đề nghị tuyên xử lý vật chứng và tuyên nghĩa vụ chịu án phí đối với bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo khai: Khoảng 19 giờ ngày 22/5/2021, do có mâu thuẫn trong khi ăn uống tại gia đình nhà anh L. Bị cáo đã dùng dao gây thương tích cho anh Th, cụ thể: chém nhát thứ nhất hướng từ phải qua trái về phía Th nhưng anh Th dùng gậy rút ba khúc ra đỡ; chém nhát thứ hai theo hướng từ phải qua trái sượt qua đỉnh đầu và tai trái anh Th thì bị anh Th dùng gậy rút ba khúc vọt 02 cái vào bắp tay phải và vai trái của bị cáo; chạy đuổi chém với 01 nhát vào vị trí bả vai phải trượt xuống cẳng tay phải của Th. Bị cáo xác định vùng đầu, vùng tai trái, vùng bả vai phải của anh Th là do bị cáo dùng dao gây ra. Đối với việc anh Th dùng gậy rút ba khúc đánh bị cáo bị cáo không bị thương tích, không yêu cầu giám định, không yêu cầu anh Th phải bồi thường.

Bị cáo nhận tội, không có ý kiến gì về tội danh, lời nói sau cùng của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm mức thấp nhất hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng coi thường pháp luật; không tìm cách xử sự phù hợp để giải quyết những mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt mà cố ý thực hiện hành vi xâm phạm sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, bệnh án điều trị của bị hại, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Bị cáo dùng dao là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại với tỉ lệ tổn thương cơ thể là 5%, bị hại có yêu cầu khởi tố nên đã phạm vào điểm a, khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự như truy tố của Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội.

“Điều 134. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

b) Dùng a-xít nguy hiểm hoặc hóa chất nguy hiểm;

c) Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ;

d) Đối với ông, bà, cha, mẹ, thầy giáo, cô giáo của mình, người nuôi dưỡng, chữa bệnh cho mình;

đ) Có tổ chức;

e) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

g) Trong thời gian đang bị giữ, tạm giữ, tạm giam, đang chấp hành án phạt tù, đang chấp hành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng hoặc đang chấp hành biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng hoặc đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

h) Thuê gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do được thuê;

i) Có tính chất côn đồ;

k) Đối với người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 11% đến 30%;

c) Phạm tội 02 lần trở lên;

d) Tái phạm nguy hiểm;

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên, nếu không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều này;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%;

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này;

d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 14 năm:

a) Làm chết người;

b) Gây thương tích làm biến dạng vùng mặt của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên;

d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này;

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

5. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Làm chết 02 người trở lên;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

6. Người nào chuẩn bị vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm, a-xít nguy hiểm, hóa chất nguy hiểm hoặc thành lập hoặc tham gia nhóm tội phạm nhằm gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm”.

[3]. Bị cáo bị kết án theo bản án số 33/2010/HSST ngày 30/7/2010 của Tòa án nhân dân huyện TT với mức hình phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản” và 03 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; hình phạt áp dụng cả hai tội là 10 năm tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/01/2019, chưa được xóa án tích nay lại phạm tội nên bị áp dụng 1 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

[4]. Bị cáo đã nhiều lần bị kết án, vừa tháng 2/2021 cũng bị xử lý hành chính về hành vi xâm phạm sức khỏe người khác nay lại tiếp tục phạm tội nên có nhân thân xấu, cần áp dụng Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự xử phạt tù giam với mức hình phạt nghiêm để giáo dục, cải tạo bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Anh Lê Văn Th không yêu cầu bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần, tổn hại về sức khỏe, chi phí viện phí, điều trị và ngày công lao động bị mất của anh và người chăm sóc; Bị cáo không yêu cầu anh Thanh phải bồi thường bất cứ khoản chi phí nào do hành vi của Th dùng gậy rút đánh vào mặt ngoài bắp tay phải và vai trái của bị cáo nên không đặt ra việc giải quyết về trách nhiệm dân sự;

[6] Bị hại Lê Văn Th dùng gậy rút đánh bị cáo nhưng không để lại thương tích, bị cáo từ chối giám định thương tích nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xem xét xử lý hình sự mà ra Quyết định xử phạt hành chính với Lê Văn Th là đúng quy định pháp luật.

[7]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

- Cơ quan Điều tra đã ra Quyết định tịch thu tiêu hủy 01 gậy rút bằng kim loại dài 23,5cm, đường kính 2,7cm, phần tay nắm bọc lớp cao su màu đen, khi rút gậy ra thành ba khúc kim loại màu xám dài 64,7 cm theo thẩm quyền

- Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 (một) dao màu đen dài 37cm, cán gỗ, lưỡi dao bằng kim loại, một mặt lưỡi, bản rộng nhất của lưỡi dao đo 09cm.

[8]. Về án phí: Bị cáo Trần Xuân Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134, Điều 38, Điều 50, Điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016//UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Xuân Q phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Xuân Q 1 năm 6 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/9/2021;

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Văn Th không yêu cầu bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần, tổn hại về sức khỏe, chi phí viện phí, điều trị và thu nhập bị mất của bị hại và người chăm sóc; bị cáo Trần Xuân Q không yêu cầu anh Lê Văn Th phải bồi thường bất cứ khoản chi phí nào do hành vi của Th dùng gậy rút đánh bị cáo nên không xem xét giải quyết về trách nhiệm bồi thường.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) dao màu đen dài 37cm, cán gỗ, lưỡi dao bằng kim loại, một mặt lưỡi, bản rộng nhất của lưỡi dao đo 09cm (Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thái Thụy và Chi cục thi hành án dân sự huyện TT lập ngày 04/11/2021)

5. Về án phí: Bị cáo Trần Xuân Q phải chịu 200.000 đồng, án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Xuân Q có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại Lê Văn Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 9 Luật thi hành án dân sự; điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện TT
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra-Công an huyện TT;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- UBND thị trấn D Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ THỊ HƯƠNG LAN

